

BÁO CÁO TUẦN 01

06/01/2025 - 10/01/2025

Đánh giá khi Thông tư 02 hết hiệu lực



MỤC LỤC

1. DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VÀ THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA

2. CHUYÊN MỤC TUẦN: *Đánh giá khi Thông tư 02 hết hiệu lực*

3. THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

4. PTKT VN-INDEX: *Giảm dưới các đường SMA trung dài hạn, VN-Index chạm đường viền cổ mô hình 2 đỉnh*

5. VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG: *Xây dựng và vật liệu +0.95%*

6. DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN

7. KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VÀ THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA

Diễn biến thị trường chứng khoán các nước

TTCK các nước	03/01/2025	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm
US (S&P500)	5942.47	1.3%	-0.5%	-2.4%	26.7%
EU (EURO STOXX 50)	4871.45	-0.9%	-0.6%	-1.0%	8.9%
Trung Quốc (SHCOMP)	3211.43	-1.6%	-5.6%	-4.6%	8.7%
Nhật Bản (NIKKEI)	39894.54	0.0%	-1.0%	1.6%	19.8%
Hàn Quốc (KOSPI)	2441.92	1.8%	1.5%	-0.9%	-5.6%
Singapore (STI)	3801.83	0.0%	0.8%	0.0%	19.8%
Thái Lan (SET)	1384.76	0.4%	-1.2%	-4.6%	-3.5%
Phillipines (PCOMP)	6603.81	0.8%	1.1%	-1.9%	0.0%
Malaysia (KLCI)	1629.46	-0.2%	0.1%	1.0%	10.3%
Indonesia (JCI)	7164.429	0.0%	1.8%	-2.2%	-2.7%
Việt Nam (VNI)	1254.59	-1.2%	-1.6%	1.1%	9.0%
Việt Nam (HNX)	225.66	-0.9%	-1.5%	0.5%	-3.0%
Việt Nam (UPCOM)	94.34	-0.7%	-0.1%	2.1%	7.5%

Nguồn: Bloomberg

TTCK THẾ GIỚI

Tâm lý không thể gánh đỡ thị trường Hoa Kỳ khi thiếu tin hỗ trợ

Hiệu ứng “Santa Claus rally” đã khó xảy ra khi các chỉ số CK Hoa Kỳ giảm điểm trong phiên giao dịch đầu năm 2025. Thị trường không có thông tin hỗ trợ trong khi DXY tăng cao và các cổ phiếu ngành công nghệ suy giảm ảnh hưởng đến biến động thị trường sau khi đã tăng mạnh trong năm 2024.

- Các chỉ số CK Hoa Kỳ giảm bình quân -1.4%, EU600 +0.7%, Nikkei 225 +1.8%; CSI 300 -4.1%.
- Chỉ số hàng hóa tăng 2.7%, trong đó dầu +3.4%, gas +5%; kim loại quý tăng trên 1%, và giá nông sản như cao su +5.6%, Coca +13.8%.
- Chỉ số DXY +1.1%, cùng TP Hoa Kỳ 10y -0.08% trong tuần.

Báo cáo BankRegData cho thấy mức vỡ nợ thẻ tín dụng tại Hoa Kỳ tăng cao kỷ lục khiến cho các công ty cho vay thẻ tín dụng phải xóa 46 tỷ USD trong các khoản vay quá hạn trong 9 tháng 2024, tăng 50% yoy và cao nhất kể từ 2010. Nợ thẻ tín dụng của người dân Hoa Kỳ cũng đạt 1,170 tỷ USD theo báo cáo FED tăng 8.1% yoy. Giá trị nợ và nợ xấu thẻ gia tăng là dấu hiệu cho thấy sức khỏe tài chính người tiêu dùng có thu nhập thấp đang suy yếu và sẽ ảnh hưởng đến tăng trưởng 2025. Đây cũng sẽ là một trong các yếu tố FED sẽ cân nhắc trong tiến trình hạ lãi suất xuống mức hợp lý trong 2025.

PMI dịch vụ Anh, EU, Hoa Kỳ; CPI Úc, Thụy Sĩ, EU, Trung Quốc; Thay đổi bản lương phi nông nghiệp, đơn xin trợ cấp thất nghiệp, tỷ lệ thất nghiệp Hoa Kỳ và biên bản chính sách tiền tệ FOMC; Các dữ liệu kinh tế vĩ mô Việt nam quý IV và cả năm 2024 là thông tin chú ý trong tuần tới.

Diễn biến thị trường hàng hóa

Hàng hóa	Đơn vị	03/01/2025	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm
Vàng	USD/ozt	2,640.2	-0.7%	0.7%	-0.4%	29.2%
Bạc	USD/ozt	29.6	0.2%	0.8%	-5.4%	28.7%
Thép HRC	USD/T.	708.0	0.0%	-3.0%	3.2%	-35.6%
Nhôm	USD/MT	2,470.5	-1.6%	-2.8%	-6.0%	10.3%
Niken	USD/MT	14,905.0	0.2%	-1.5%	-6.4%	-6.1%
Quặng sắt	CNY/MT	772.0	-1.1%	-0.8%	-5.5%	-28.7%
Dầu Brent	USD/bbl.	76.5	0.8%	3.2%	5.8%	-1.4%
Dầu WTI	USD/bbl.	74.0	1.1%	4.8%	7.9%	2.5%
Xăng	USd/gal.	205.4	0.1%	4.9%	5.9%	-2.7%
Than đá	USD/MT	123.5	-0.9%	-2.6%	-7.4%	-5.7%
Đậu tương	USd/bu.	981.0	-1.9%	0.1%	-0.3%	-22.3%
Cao su	JPY/kg	381.9	0.0%	0.0%	-0.1%	57.2%
Đường	USD/MT	514.2	0.2%	1.1%	-6.6%	-15.3%

Nguồn: Bloomberg

TTCK VIỆT NAM

Áp lực bán gia tăng, VN-Index lùi về giá thấp tìm điểm cân bằng mới

VN-Index giảm 1.6% cùng thanh khoản giảm 20% trong tuần TTCK Hoa Kỳ điều chỉnh và khối ngoại gia tăng lượng bán ròng. Các cổ phiếu lớn suy yếu sau khiến chỉ số giảm và quay lại xu hướng giảm ngắn hạn.

- Nhóm cổ phiếu Ngân hàng sau khi nâng đỡ khi trường trong tuần cuối năm đã quay đầu điều chỉnh, đóng góp 1/2 mức giảm điểm của thị trường.
- 1 số cổ phiếu vừa nhỏ vẫn giữ được đà tăng dù vậy độ rộng giảm điểm vẫn chi phối với 13/18 ngành giảm điểm. Các ngành công nghệ thông tin, xây dựng tăng trên 0.8% trong khi bảo hiểm, dịch vụ tài chính, dầu khí giảm trên 1.1%.
- Khối ngoại bán ròng 30 triệu USD sau khi đã mua ròng 21 triệu USD tuần trước.

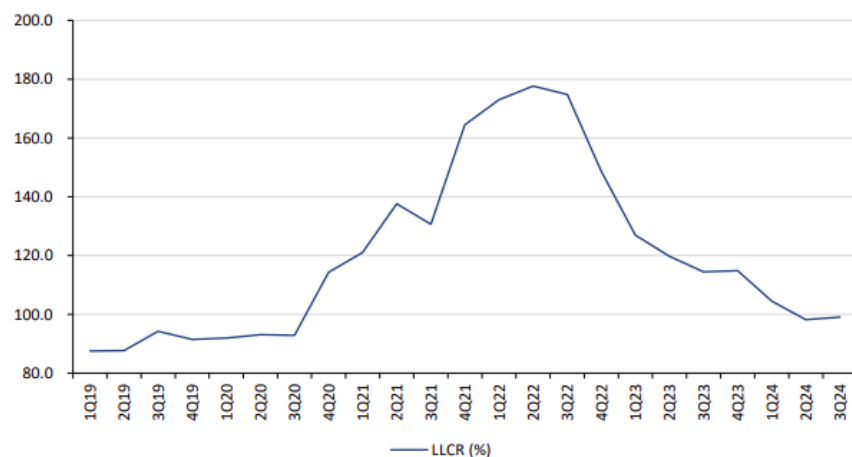
Tổng thu NSNN đạt 1,997 nghìn tỷ, vượt 17.4% so với dự toán. Chi NSNN đạt 1,830 nghìn tỷ, tương đương 86.4% dự toán. Thu ngân sách tích cực giúp cho bội chi ngân sách giảm về mức 3.4% GDP, thấp hơn dự toán. Trái phiếu chính phủ huy động được 330.4 nghìn tỷ với lãi suất bình quân 2.52%/năm. Đây là những con số tích cực của ngành tài chính trong bối cảnh thực thi các chính sách miễn, giảm và gia hạn thuế 197 nghìn tỷ cho doanh nghiệp và người dân góp phần ổn định kinh tế vĩ mô và kiểm soát lạm phát. Năm 2025, Bộ Tài chính sẽ tiếp tục tập trung vào các giải pháp cải cách hành chính, tăng cường số hóa trong quản lý tài chính - thuế và đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công. Các cổ phiếu nâng đỡ thị trường tiếp tục suy yếu tạo áp lực giảm điểm trong tuần tới, NĐT có thể cân nhắc những phiên giảm điểm khi chỉ số về gần 1,240 điểm để mở lại vị thế mua vào cho tầm nhìn đầu tư 2025.

CHUYÊN MỤC TUẦN: Đánh giá khi Thông tư 02 hết hiệu lực

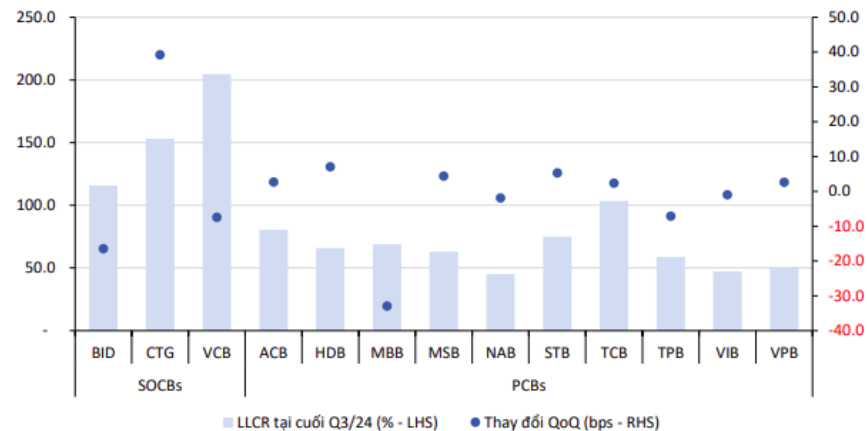
Ngày 31/12/2024, gia hạn Thông tư 02/2023/TT-NHNN (TT02) về tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ chính thức hết hiệu lực. BSC đã đưa ra quan điểm trong "**Báo cáo triển vọng ngành ngân hàng 2025**" rằng là việc này không gây ảnh hưởng đáng kể lên bảng cân đối của các ngân hàng. Sẽ không có sự gia tăng đột biến của tỷ lệ nợ xấu cũng như chi phí dự phòng vì:

- Dự nợ tái cơ cấu TT02 chiếm tỷ trọng thấp, cuối Q3/24 là khoảng 1.6% dự nợ toàn hệ thống, trong đó chỉ có 1 số ngân hàng ghi nhận tỷ lệ này cao hơn mặt bằng chung như VPB (2.5%), MSB (1.2%), TPB (0.8%), còn lại đều <0.5%.
- Để đáp ứng quy định thì các ngân hàng đều phải trích lập dự phòng cụ thể bổ sung đủ 100% trong 2024, và qua trao đổi thì tại cuối Q3 hầu hết các bên đều đã trích lập đủ hoặc gần đủ.
- Ngoài ra thì các khách hàng vẫn trong thời hạn tái cơ cấu (tối đa 12T) thì vẫn sẽ tiếp tục được áp dụng thông tư này kể cả khi hết hiệu lực.

Khi bộ đệm bao phủ nợ xấu toàn ngành đã được bình thường hóa...



...ngân hàng nào có lợi thế về mặt LLCR sẽ có nhiều dư địa hơn để tiết giảm chi phí tín dụng trong 2025

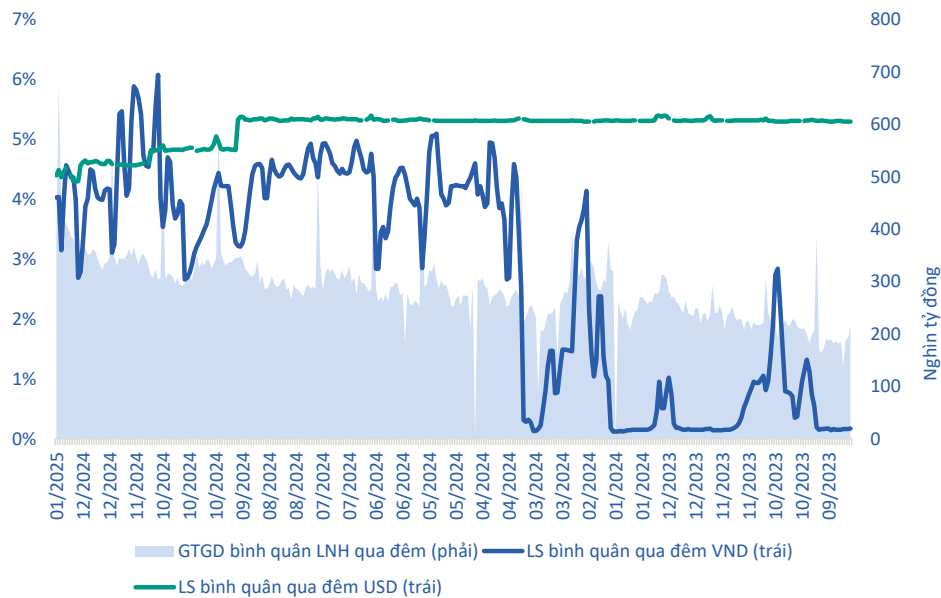


Nguồn: BSC Research

Tham khảo chi tiết tại: "**Báo cáo triển vọng ngành ngân hàng 2025**": [Link](#)

THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Diễn biến thị trường liên ngân hàng



Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Giao dịch trên OMOs (đvt: tỷ đồng)

Tuần	Giá trị hút	Giá trị bơm	Giá trị bơm ròng	Outstanding
Tuần 45	37,949.9	103,399.9	65,450.0	13,349.9
Tuần 46	92,549.9	123,499.7	30,949.8	44,299.7
Tuần 47	103,599.7	109,250.0	5,650.3	49,950.0
Tuần 48	77,980.0	61,949.9	(16,030.2)	33,919.8
Tuần 49	74,474.9	33,950.0	(40,524.9)	(6,605.0)
Tuần 50	46,950.0	53,549.9	6,599.9	(5.1)
Tuần 51	101,422.9	29,971.9	(71,451.0)	(71,456.1)
Tuần 52	24,806.9	101,372.9	76,566.0	5,109.9
Tuần 53	61,140.0	72,396.2	11,256.2	16,366.1

Nguồn: SBV, BSC Research

Giao dịch thị trường liên ngân hàng trong tuần

	Qua đêm	1 tuần	1 tháng	3 tháng
Lãi suất LNH BQ	3.74%	4.73%	4.71%	5.66%
So với tuần trước	-0.62%	-0.10%	-0.23%	-0.58%
GTGD LNH BQ (tỷ VNĐ)	494,760.7	19,852.7	1,573.3	3,174.0
So với tuần trước	+24.44%	-28.70%	+30.74%	-45.11%

* Note: Dữ liệu cập nhật tới ngày 02/01/2025

Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Nhận xét:

- Trong tuần 53, SBV đã phát hành 46,140.0 tỷ đồng giá trị tín phiếu, đồng thời mua 8,986.2 tỷ đồng giá trị giấy tờ có giá. Tổng cộng, SBV đã bơm ròng 11,256.2 tỷ đồng qua OMOs.
- Lãi suất liên ngân hàng VNĐ giảm nhẹ.

PTKT: Giảm dưới các đường SMA trung dài hạn, VN-Index chạm đường viền cổ mô hình 2 đỉnh

Đồ thị ngày: Chỉ số liên tiếp có những phiên giảm điểm sau cây nến doji, đặc biệt là cây nến xác nhận xu hướng điều chỉnh ngày 3/1. Như lo ngại của chúng tôi tuần trước về nguy cơ hình thành mô hình 2 đỉnh ngắn hạn, VN-Index đã giảm dưới các đường trung bình động trung và dài hạn và chạm đường neckline của mô hình 2 đỉnh trong phiên cuối tuần. Đường giá bám dải bollinger dưới và dải bollinger band có xu hướng mở rộng nhẹ xuống dưới trong khi các tín hiệu kỹ thuật chưa giảm về vùng quá bán cho thấy áp lực bán sẽ còn gia tăng trong những phiên tới.

Một vài đặc điểm chú ý của đồ thị ngày:

- RSI giảm từ 60 xuống 45 điểm.
- MACD cắt đường tín hiệu từ trên xuống và duy trì trên mức 0. Thanh khoản giảm 20% so với giao dịch tuần trước.
- VN-Index giảm dưới SMA 20, SMA 50, 100 và 200.

Kết luận: Cây nến chỉ hướng giảm với thanh khoản gia tăng, xuyên qua các đường trung bình động ngắn hạn. Mặc dù dừng lại ở đường viền cổ của mô hình 2 đỉnh, biến động này đã củng cố cho xu hướng giảm điểm ngắn hạn. Áp lực bán sẽ còn gia tăng sẽ đẩy chỉ số xuyên qua đường viền cổ tại 1,253 điểm và hoàn thành mô hình 2 đỉnh ngắn hạn tại 1,240 điểm. Đây là kịch bản lưu ý trong tuần tới khi các nhóm cổ phiếu nâng đỡ thị trường tiếp tục suy yếu trước áp lực bán ra từ khối ngoại.



VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Top tăng điểm số VN-Index		
Mã	% Tăng	Điểm số
VTP	8.83	0.35
VGC	5.15	0.25
CTR	5.37	0.18
BCM	1.00	0.18
NVL	3.43	0.17
FRT	2.01	0.12
SJS	2.45	0.05
CMG	1.63	0.04
HNA	2.88	0.04
DMC	6.18	0.04
Tổng		1.41

Top giảm điểm số VN-Index		
Mã	% Giảm	Điểm số
CTG	-4.12	-2.09
TCB	-4.07	-1.72
BID	-2.43	-1.59
MWG	-4.56	-1.00
VPB	-2.60	-0.96
VIB	-4.49	-0.65
SSI	-4.70	-0.60
STB	-3.48	-0.60
EIB	-6.17	-0.54
ACB	-1.76	-0.49
Tổng		-10.24

Khối ngoại mua ròng	
Mã	Mua ròng (tỷ đồng)
CTG	154.98
FRT	106.55
STB	87.16
VGC	77.74
PDR	73.40
SSI	62.90
KDH	54.30
DGC	48.86
MSN	46.65
LPB	45.69
Tổng	758.25

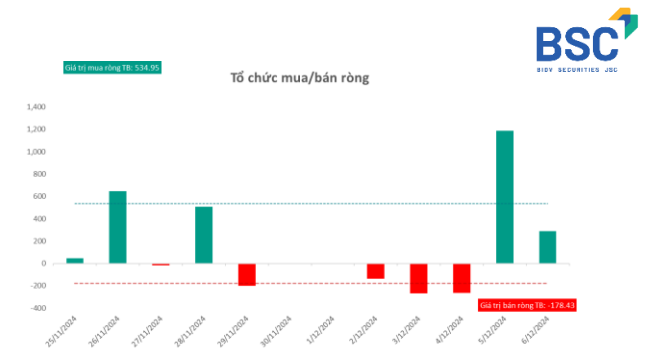
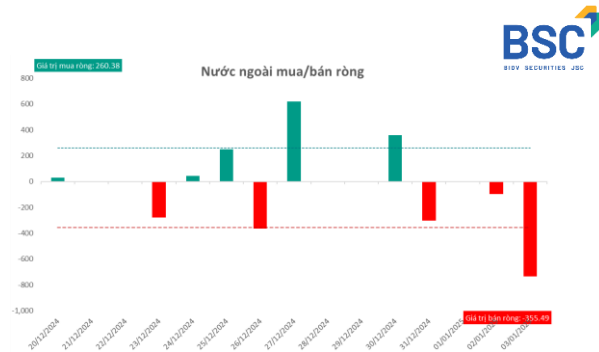
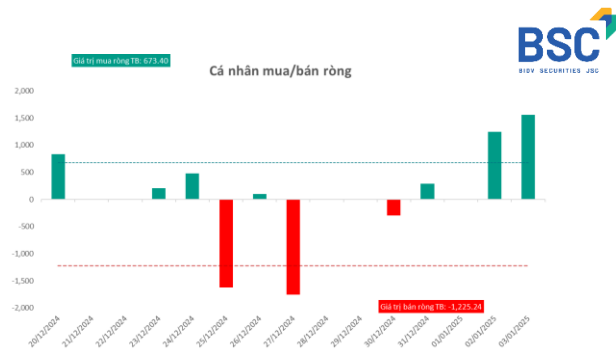
Khối ngoại bán ròng	
Mã	Bán ròng (tỷ đồng)
FPT	-453.30
VCB	-158.35
CTG	-137.02
TCB	-92.23
BID	-79.55
SSI	-67.66
ACV	-62.81
VNM	-51.38
HDB	-47.24
VHM	-45.96
Tổng	-1195.50

Vận động ngành

Ngành	% Ngày	%Tuần	% Tháng
Xây dựng và Vật liệu	-0.15%	0.95%	4.81%
Y tế	-0.81%	0.36%	2.10%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-1.17%	-0.27%	2.74%
Công nghệ Thông tin	-1.92%	-0.36%	2.55%
Bất động sản	-0.45%	-0.53%	0.01%



DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN



Tự doanh						NĐT NN						Cá nhân					
Top mua ròng			Top bán ròng			Top mua ròng			Top bán ròng			Top mua ròng			Top bán ròng		
Mã	Khối lượng	Giá trị	Mã	Khối lượng	Giá trị	Mã	Khối lượng	Giá trị	Mã	Khối lượng	Giá trị	Mã	Khối lượng	Giá trị	Mã	Khối lượng	Giá trị
VSC	7,973,800	132.26	FPT	4,163,505	(621.56)	CTG	4,028,724	154.98	FPT	3,011,576	(453.30)	FPT	7,618,881	1,141.54	KBC	8,496,075	(249.61)
VTP	798,900	103.51	STB	11,139,100	(415.73)	FRT	575,000	106.55	VCB	1,729,735	(158.35)	STB	11,762,753	438.44	ACB	4,806,830	(124.02)
VRC	5,285,000	60.25	ACB	13,015,379	(332.42)	STB	2,278,900	87.16	CTG	3,643,624	(137.02)	ACB	15,669,979	399.81	KDH	3,241,755	(116.89)
CTG	1,356,700	51.52	VPB	6,922,308	(129.38)	VGC	1,669,000	77.74	TCB	3,844,456	(92.23)	NAB	16,001,705	256.00	MWG	1,842,010	(112.51)
MBB	1,591,365	39.73	VDS	4,520,000	(88.03)	PDR	3,507,300	73.40	BID	2,138,817	(79.55)	VCB	1,861,815	170.60	FPT	713,777	(107.95)
RYG	2,115,000	32.94	FCN	6,000,000	(82.80)	SSI	2,372,536	62.90	SSI	2,621,796	(67.66)	SSI	5,211,697	131.56	PDR	4,390,800	(91.88)
VPB	1,723,190	32.86	STB	2,062,100	(76.42)	KDH	1,509,700	54.30	VNM	814,241	(51.38)	VPB	6,488,915	117.15	FRT	465,100	(86.44)
HCM	1,070,700	31.66	VSC	4,100,000	(65.60)	DGC	419,935	48.86	HDB	1,936,300	(47.24)	BID	3,049,917	114.93	VGC	1,784,200	(83.09)
GEX	1,401,300	27.52	CTR	535,700	(63.83)	MSN	661,317	46.65	VHM	1,146,229	(45.96)	VHM	2,728,129	109.63	CTG	2,061,024	(79.88)
CTG	681,100	26.19	VCI	1,947,600	(61.83)	LPB	1,454,048	45.69	TCB	1,763,100	(43.08)	HDB	4,134,500	101.39	VTP	575,680	(73.88)

DANH MỤC BSC 30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link
VCB	Ngân hàng	92	0.1%	0.7	20,180	5.1	6,194	14.9	0.0	23.0%	Link
BID	Ngân hàng	38.2	0.0%	1.40	10,341	5.5	4106	9.3	-	13.9%	Link
VPB	Ngân hàng	18.8	-2.1%	0.90	5,838	7.8	1663	11.3	-	25.1%	Link
TCB	Ngân hàng	23.6	-3.1%	1.30	6,544	16.1	3207	7.4	-	22.5%	Link
MBB	Ngân hàng	24.7	-2.0%	1.20	5,144	10.7	4021	6.1	26,600	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	36.1	-2.4%	1.40	2,671	12.2	4640	7.8	-	23.9%	Link
CTG	Ngân hàng	37.2	-2.4%	1.60	7,840	15.0	4035	9.2	-	297.1%	Link
ACB	Ngân hàng	25.1	-2.0%	0.90	4,400	4.9	3638	6.9	-	30.0%	Link
SSI	Chứng khoán	25.4	-2.3%	1.50	1,952	16.0	1490	17.0	-	40.4%	Link
IDC	BĐS KCN	55.3	-1.2%	1.10	716	1.7	6634	8.3	65,700	22.5%	Link
HPG	VLXD	26.6	-1.5%	1.00	6,677	13.8	1905	14.0	41,500	21.7%	Link
HSG	VLXD	18.2	-2.4%	1.50	444	3.0	828	22.0	25,300	10.0%	Link
VHM	BĐS	40	0.0%	0.70	6,448	6.7	4700	8.5	108,300	14.4%	Link
KDH	BĐS	34.8	-1.0%	1.10	1,381	2.2	522	66.7	44,500	37.2%	Link
NLG	BĐS	36	-1.1%	1.30	545	1.1	793	45.4	-	44.6%	Link
DGC	Hóa chất	115.5	-0.9%	1.40	1,722	8.1	7791	14.8	115,000	18.1%	Link
DCM	Phân bón	35.2	-1.4%	0.90	730	2.8	2917	12.1	38,700	5.9%	Link
GAS	Dầu khí	68	-0.1%	0.50	6,252	1.2	4728	14.4	-	1.8%	Link
PVS	Dầu khí	34	0.6%	1.10	638	3.0	1919	17.7	57,000	19.4%	Link
PVD	Dầu khí	23.5	0.2%	1.40	513	3.2	1211	19.4	38,400	10.2%	Link
POW	Tiện ích	11.8	-1.7%	0.70	1,084	2.3	597	19.8	17,100	3.8%	Link
VHC	Thủy sản	70.5	-0.8%	1.20	621	1.5	3814	18.5	108,500	28.0%	Link
GMD	Logistics	65.8	-0.6%	0.70	1,069	1.8	4315	15.3	90,400	46.0%	Link
VNM	Bán lẻ	63	-0.2%	0.40	5,168	4.4	4591	13.7	93,100	51.6%	Link
MSN	Bán lẻ	69.7	-1.6%	0.90	4,139	7.3	898	77.6	110,000	23.9%	Link
MWG	Bán lẻ	58.6	-3.3%	1.10	3,361	15.2	2028	28.9	-	46.1%	Link
PNJ	Bán lẻ	96.6	-1.3%	1.10	1,281	1.7	5960	16.2	118,000	49.0%	Link
DGW	Bán lẻ	40.2	-2.7%	1.80	346	1.2	1809	22.2	66,600	19.8%	Link
FPT	Công nghệ	149	-2.0%	1.20	8,602	25.4	5129	29.1	107,900	45.6%	Link
CTR	Công nghệ	129.5	3.2%	1.50	581	14.1	4640	27.9	-	10.1%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC 50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE
HDB	Ngân hàng	24.4	-2.6%	1.1	3,354	6.9	4,461	5.5	1.5	14.4%	27.8%
VIB	Ngân hàng	19.2	-2.8%	1.2	2,239	5.6	2,412	7.9	1.4	5.0%	21.4%
TPB	Ngân hàng	16.2	-2.1%	1.4	1,680	6.2	1,840	8.8	1.2	30.0%	14.2%
MSB	Ngân hàng	11.3	-2.2%	1.1	1,153	2.9	1,687	6.7	0.8	27.5%	14.9%
EIB	Ngân hàng	18.2	-2.7%	0.8	1,334	3.3	1,447	12.6	1.4	2.5%	9.9%
HCM	Chứng khoán	28.6	-2.6%	1.8	807	13.7	1,409	20.3	2.0	44.6%	10.6%
VCI	Chứng khoán	32.8	-2.4%	1.5	924	6.0	1,419	23.1	2.2	25.2%	9.6%
VND	Chứng khoán	12.4	-2.0%	1.5	738	4.7	1,503	8.2	1.0	11.9%	15.0%
BSI	Chứng khoán	46.6	-3.2%	2.0	408	0.8	1,732	26.9	2.1	41.0%	9.3%
SHS	Chứng khoán	12.5	-2.3%	1.7	399	2.7	1,178	10.6	0.9	3.0%	10.5%
CTD	Xây dựng	68.2	-2.0%	1.4	268	2.1	3,361	20.3	0.8	49.0%	3.6%
HHV	Xây dựng	11.4	-2.1%	1.5	194	2.0	835	13.7	0.6	8.8%	4.4%
LCG	Xây dựng	10.2	-1.9%	1.5	77	0.6	825	12.3	0.8	2.1%	5.7%
SZC	BĐS KCN	41.9	-1.4%	1.0	296	2.4	1,572	26.7	2.5	2.3%	12.1%
SIP	BĐS KCN	81.2	-1.0%	1.2	671	1.9	5,635	14.4	4.0	4.5%	29.0%
PHR	BĐS KCN	52.6	-0.8%	0.9	280	0.2	2,858	18.4	1.8	17.9%	12.1%
DIG	BĐS	19.2	-0.8%	1.6	458	3.6	135	142.2	1.5	4.2%	1.1%
CEO	BĐS	13.0	-2.3%	1.8	276	1.2	316	41.2	1.2	4.5%	2.1%
KBC	BĐS KCN	27.2	-0.9%	1.4	818	2.3	549	49.4	1.1	18.8%	1.7%
VGC	BĐS KCN	47.0	0.0%	1.2	827	5.2	1,312	35.8	2.5	3.6%	8.2%
GVR	BĐS KCN	30.3	-0.7%	1.6	4,757	1.9	851	35.6	2.3	0.3%	6.5%
NKG	VLXD	14.4	-2.0%	1.6	252	1.2	1,736	8.3	0.6	4.4%	7.4%
BMP	VLXD	133.3	0.2%	1.1	428	1.0	12,420	10.7	3.7	84.1%	34.6%
IJC	BĐS	13.8	-1.8%	1.2	205	0.7	729	19.0	1.0	4.8%	6.0%
DXG	BĐS	15.7	0.0%	1.4	444	12.8	197	79.7	1.1	19.1%	1.9%
VRE	BĐS	17.2	-0.6%	1.2	1,534	1.8	1,795	9.6	1.0	19.0%	11.9%
PDR	BĐS	20.4	-1.2%	1.7	701	3.2	500	40.9	1.6	7.6%	5.0%
DIG	BĐS	19.2	-0.8%	1.6	458	3.6	135	142.2	1.5	4.2%	1.1%
HUT	Xây dựng	15.8	0.0%	0.7	553	0.7	75	210.2	1.6	1.4%	1.7%
C4G	Xây dựng	7.9	0.0%	1.00	-	0.1	573	13.8	0.7	0.0%	4.8%

DANH MỤC BSC 50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE
CSV	Hóa chất	45.9	-1.6%	1.6	199	2.7	2,122	21.6	3.5	3.0%	15.2%
DHC	Hóa chất	38.6	2.1%	1.1	122	2.3	3,330	11.6	1.6	40.9%	13.3%
DRC	Cao su	28.4	-0.9%	0.9	132	0.3	2,259	12.6	1.8	9.0%	16.5%
PC1	Tiện ích	22.7	-0.2%	1.1	319	1.2	1,511	15.0	1.3	13.1%	6.1%
HDG	Tiện ích	28.6	-1.4%	1.4	378	2.4	2,116	13.5	1.6	20.0%	11.8%
GEX	Tiện ích	18.4	-3.2%	1.4	621	2.7	1,207	15.2	1.2	5.7%	7.0%
QTP	Tiện ích	13.7	-0.7%	0.5	-	0.1	1,500	9.1	1.2	0.9%	11.2%
PLX	Dầu khí	38.4	0.8%	0.7	1,917	1.2	2,350	16.4	1.9	17.4%	13.8%
BSR	Dầu khí	22.1	-2.6%	1.1	-	4.4	966	22.9	1.2	0.0%	13.4%
PLC	Dầu khí	22.6	3.2%	1.3	72	0.4	611	37.0	1.5	0.3%	4.7%
ANV	Thủy sản	19.4	-1.3%	1.2	203	1.1	315	61.7	0.9	0.0%	1.2%
PTB	VLXD	65.0	-1.8%	1.1	171	0.2	4,944	13.1	1.5	23.6%	11.9%
VSC	Logistics	15.8	-1.2%	1.2	178	1.3	737	21.4	1.1	2.2%	7.3%
HAH	Logistics	48.6	-1.6%	1.0	232	2.3	3,571	13.6	2.0	13.5%	10.6%
VTP	Logistics	144.2	0.1%	1.4	689	5.8	2,929	49.2	11.8	7.4%	22.8%
DBC	Bán lẻ	27.8	-1.9%	1.6	364	5.1	1,604	17.3	1.4	8.5%	5.0%
FRT	Bán lẻ	187.5	0.4%	0.8	1,003	8.6	775	242.0	14.1	37.1%	11.8%
QNS	Bán lẻ	51.9	0.2%	0.5	-	0.4	6,553	7.9	2.0	12.1%	28.7%
TNG	Dệt may	25.4	0.0%	1.1	122	2.2	2,427	10.5	1.7	17.0%	14.7%
PVT	Logistics	27.8	-0.7%	1.0	388	2.6	3,130	8.9	1.3	12.6%	14.2%
DPM	Phân bón	35.6	0.4%	1.0	546	4.7	1,700	20.9	1.3	8.6%	5.5%
REE	Tiện ích	65.4	-2.4%	0.9	1,209	1.7	3,860	16.9	1.7	49.0%	10.0%

Nguồn: BSC Research

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistics, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

<http://www.bsc.com.vn>

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 4, Tầng 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Đối với Khách hàng tổ chức Đối với Khách hàng cá nhân

Phòng TVĐT và môi giới KHTC Trung tâm tư vấn i-Center
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn i-center@bsc.com.vn
(024) 39264 659 (024) 39264 660

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC

1

2

3

4

5

THÔNG TIN ĐĂNG KÝ

Nhập các thông tin quan trọng sau để đăng ký mở tài khoản Chứng khoán online và dùng để xác thực giao dịch của Quý khách trong tương lai:

Họ tên (*)

Ngày sinh (*)

CMTND/CCCD (*)

Ngày cấp (*)

Nơi cấp (*)

Số điện thoại (*)

Email (*)

Địa chỉ liên hệ (*)

Tỉnh/Thành phố (*)

Quận/Huyện (*)

Phường/Xã (*)

Thông tin người giới thiệu (email/số tài khoản tại BSC)



Quý khách hàng có thể tham gia cộng đồng nhà đầu tư bằng cách quét mã QR trên đây đồng thời click vào hình bên để điền thông tin vào form đăng ký